

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2021
V/v: Ly hôn, trA chấp nuôi con;

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Chiến**

Bà Nguyễn Thị Mai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: **Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.**

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, trA chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1990; có mặt;

Bị đơn: A Chu Văn H, sinh năm 1987; vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã Hương Ngải, huyện T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:

Chị Th kết hôn với A Chu Văn H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Ngải, huyện T, Thành phố Hà Nội ngày 30/7/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sau đó A H có quan hệ ngoại tình và hiện giữa chị và A H không còn liên lạc gì với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị Th xác định tình trạng hôn nhân giữa chị và A H mâu thuẫn căng thẳng, không thể hàn gắn được nên chị Th yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Th và A H có hai con chung là Chu Phan A, sinh

ngày 13/02/2011 và Chu Bảo K, sinh ngày 21/4/2014. Sau ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- A Chu Văn H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho A H tại nơi cư trú theo đúng quy định nH A H không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không cung cấp chứng cứ và trình bày quan điểm của bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: A Chu Văn H cư trú tại xã Hương Ngải, huyện T, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán , thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên toà sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập, nhận thấy: Chị Vũ Thị Th và A Chu Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và A H là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Th và A H xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Th và A H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nay chị Th yêu cầu ly hôn A H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Chị Th và A H có hai con chung. Sau khi vợ chồng sống ly thân, các cháu ở với chị Th; A H không quan tâm đến con chung. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của các cháu đề nghị giao cả hai con chung là Chu Phan A, sinh ngày 13/02/2011 và Chu Bảo K, sinh ngày 21/4/2014 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với A H;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn A Chu Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hương Ngải, huyện T, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn A Chu Văn H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nH vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và A Chu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/12/1989 tại UBND xã Hương Ngải, huyện T, Thành phố Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và A H là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị Th, kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị Th và A H phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 5 năm 2019 cho đến nay; chị Th và A H không còn liên lạc với nhau. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và A H đã mâu thuẫn trầm trọng, quan hệ vợ chồng đã không tồn tại trên thực tế từ giữa năm 2019, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Th yêu cầu ly hôn A H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Th và A H có hai con chung là Chu Phan A, sinh ngày 13/02/2011 và Chu Bảo K, sinh ngày 21/4/2014. Hiện hai cháu đang do chị Th nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Th thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cả hai cháu được chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. A H đi làm ăn xa, không cung cấp địa chỉ cho chị Th và gia đình, không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng các con. Hiện các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Mặt khác, chị Th có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cần giao cả hai cháu Chu Phan A và Chu Bảo K cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

A H không trực tiếp nuôi con chung nH có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do chị Th tự nguyện không yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho A H đến khi chị Th có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Th ly hôn A Chu Văn H.

2.Về con chung: Chị Vũ Thị Th ly hôn A Chu Văn H có hai con chung là Chu Phan A, sinh ngày 13/02/2011 và Chu Bảo K, sinh ngày 21/4/2014; Giao chị Vũ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

A Chu Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản nh không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho A H đến khi chị Th có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011680 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A Chu Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và nơi cư trú của bị đơn./.

Nơi nhận

- Đường sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Hương Ngải, huyện T, Tp. Hà Nội;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

